

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2025/NQ-HĐND

Vinh Long, ngày 30 tháng 7 năm 2025

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vinh Long**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Xét Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vinh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vinh Long.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh.**

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa.

##### **2. Đối tượng áp dụng.**

Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có

liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ**

### **1. Nguyên tắc hỗ trợ.**

a) Đất trồng lúa được hỗ trợ: Đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại; đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ được xác định theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

c) Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo đúng đối tượng, phạm vi, nội dung và định mức.

### **2. Phạm vi hỗ trợ.**

Hỗ trợ thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP tại vùng đất chuyên trồng lúa gồm vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đất chuyên trồng lúa và đất trồng lúa còn lại, trừ đất trồng lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa.

## **Điều 3. Định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ**

Định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động sau:

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

3. Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT.

4. Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài

sản công.

5. Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ: Hỗ trợ 100% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ và theo kế hoạch của địa phương được phê duyệt.

6. Các nội dung hỗ trợ từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này không vượt quá phạm vi dự toán kinh phí được giao hàng năm.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản mới.

5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 8 năm 2025.

6. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động trên đất trồng lúa tỉnh Trà Vinh.

b) Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

c) Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

d) Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC – Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND phường, xã;
- Trung tâm thông tin điều hành; Công thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Dũng**